

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN  
ÂN THI TỈNH HƯNG YÊN**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 34/2019/HNGĐ -ST

Ngày 27/11/2019

"V/v ly hôn "

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ÂN THI - TỈNH HƯNG YÊN**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Đồng Dục

Các hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Thanh Bình- Cán bộ nghỉ hưu

Bà Nguyễn Thị Nga - Chủ tịch hội LHPN huyện

**-Thư ký phiên tòa:** Bà Hoàng Thị Ái - Thư ký TAND huyện Ân Thi, tỉnh Hưng Yên

**- Đại diện VKSND huyện Ân Thi tham gia phiên tòa:** Ông Đỗ Văn Tú - Kiểm sát viên

Ngày 27 tháng 11 năm 2019, Tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Ân Thi xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 192/2019/TLST - HNGĐ ngày 02/10/2019 về việc ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 34/2019/QĐXX- HNGĐ ngày 01/11/2019 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị Nghiêm Thị Nh, SN 1976 (có đơn đề nghị xét xử vắng mặt)

- *Bị đơn:* Anh Hoàng Ngọc Ch (Hoàng Văn Ch), SN 1975 (vắng mặt)

Đều trú tại: M X, TT Ân Th, Ân Thi, Hưng Yên

**NỘI DUNG VỤ ÁN**

Theo đơn khởi kiện ngày 08/9/2019 và lời khai của chị Nh trình bày chị và anh Thọ kết hôn trên cơ sở tự nguyện, tổ chức cưới, có đăng ký kết hôn tại UBND TT Ân Th vào ngày 19/12/1996. Sau khi cưới chị về ngay gia đình anh Ch chung sống. Anh, chị có thời gian chung sống hòa thuận, hạnh phúc. Đến năm 2012, do kinh tế khó khăn nên vợ chồng chị bàn bạc với nhau và chị đã đi xuất khẩu lao động tại Đài Loan, anh Ch ở nhà chăm sóc, nuôi dạy con. Khi sang Đài Loan chị vẫn thường xuyên liên lạc về nhà, được biết anh Ch không chịu làm ăn, chơi bời, chị có khuyên anh Ch thay đổi, sau đó vợ chồng chị không thường xuyên liên lạc với nhau nữa, một thời gian thì chị được biết anh Ch đã vào trong Nam làm bảo vệ. Đến năm 2016 tôi hết hạn hợp đồng về nước, do chị và anh Ch không còn tình cảm với nhau, nên chị về nhà bố mẹ để ở. Đến năm 2017 chị vào bên Tre bán hàng cho em gái, từ khi chị về nước, anh Ch không liên lạc gì với chị. Cuối tháng 9/2019 anh Ch về nhà, chị và anh

Ch có nói chuyện vợ chồng không ở được với nhau thì ly hôn nhưng anh Ch không nói gì, sau đó bố mẹ anh Ch có mời bố mẹ chị, cô dì chú bác nhà anh Ch đến để nói chuyện và khuyên bảo vợ chồng anh, chị về ở với nhau, nhưng chị xác định không còn tình cảm nên chị không về ở. Nay chị xác định tình cảm vợ chồng không còn, cuộc sống chung không thể kéo dài nên chị làm đơn xin ly hôn anh Ch.

Về con chung: Có 01 con chung. Hiện nay con chung đã trưởng thành và đi làm nên chị không yêu cầu Tòa giải quyết

Về tài sản chung, công sức, công nợ: Không đề nghị Tòa giải quyết

Tại biên bản lấy lời khai của ông Hoàng Ngọc Thạch ( bố đẻ của anh Ch) trình bày: Ông xây dựng vợ chồng cho chị Nh, anh Ch vào năm 1996, anh Ch, chị Nh có đăng ký kết hôn tại UBND TT Ân Th. Sau khi cưới chị Nh về ngay gia đình anh Ch chung sống. Do kinh tế anh Ch, chị Nh thường xuyên làm ăn xa nhà. Đến năm 2012, chị Nh đi Đài Loan lao động, thời gian chị Nh ở nước ngoài vẫn liên lạc về với gia đình. Anh Ch có thời gian không chịu làm ăn, chơi bời, gia đình cũng có khuyên thì anh Ch vào Nam làm bảo vệ, giữa chị Nh, anh Ch có liên lạc với nhau hay không ông không rõ. Đến năm 2016, chị Nh hết hạn hợp đồng về nước nhưng chị Nh về nhà bố mẹ đẻ ở. Cuối tháng 9/2019, anh Ch có về nhà, giữa anh chị đã nói chuyện, gia đình hai bên có khuyên anh, chị nhưng chị Nh xác định không còn tình cảm nên không về. Các giấy tờ do Tòa án giao cho ông thì ông đã giao cho anh Ch, anh Ch nói lại với ông do công việc không thể nghỉ được nên anh Ch không đến Tòa được. Nay chị Nh xin ly hôn anh Ch, việc vợ chồng anh Ch, chị Nh có tiếp tục chung sống với nhau hay không là quyền của anh Ch, chị Nh.

Về con chung: Anh Ch, chị Nh có 01 con chung là Hoàng Ngọc Sơn, SN 25/10/1997. Hiện nay con chung của anh, chị đã trưởng thành và đi làm.

Về tài sản chung, công sức, công nợ: Anh Ch, chị Nh không có

Đối với anh Ch: Sau khi thụ lý vụ án Tòa án đã tổng đạt các văn bản tố tụng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự nhưng anh Ch đều vắng mặt không có lý do nên không xác định được yêu cầu, đề nghị của anh Ch trong hồ sơ vụ án.

Tại biên bản xác minh với UBND TT Ân Th: Chị Nh, anh Ch là vợ chồng có đăng ký kết hôn tại UBND TT Ân Th vào ngày 19/12/1996. Quá trình chung sống chị Nh, anh Ch chung sống có mâu thuẫn hay không chính quyền địa phương không nắm được.

Về con chung: Anh Ch, chị Nh có 01 con chung là Hoàng Ngọc Sơn, SN 25/10/1997.

Về tài sản chung, công sức, công nợ: UBND thị trấn không nắm được

Tại phiên tòa ngày 19/11/2019: Chị Nh có mặt, anh Ch vắng mặt lần thứ nhất. Căn cứ khoản 1 Điều 227 của BLTTDS, HĐXX quyết định hoãn phiên tòa.

Tại phiên tòa ngày 27/11/2019: Chị Nh có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, anh Ch vắng mặt lần thứ 2. Căn cứ khoản 1, 3 Điều 228, điều 238 của BLTTDS, HĐXX tiến hành xét xử vụ án vắng mặt nguyên đơn, bị đơn.

**\* Ý kiến và quan điểm của đại diện VKSND huyện tham gia phiên tòa:**

+ Về chấp hành pháp luật tố tụng:

- Trong thời gian chuẩn bị xét xử: Thẩm phán, thư ký chấp hành đúng quy định tại điều 48; 51 của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Hội đồng xét xử, thư ký phiên tòa tuân thủ các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự về việc xét xử sơ thẩm vụ án.

- Những người tham gia tố tụng: Nguyên đơn thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Bị đơn chưa thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ.

+ Về đường lối giải quyết:

Áp dụng điều 51, 53, 56, 57, 58, 81, 82, 83 và điều 84 Luật hôn nhân gia đình ; Khoản 4 điều 147; khoản 1 điều 227, khoản 1 điều 228 và điều 238 Bộ luật tố tụng dân sự.

- Về quan hệ vợ chồng: Xử cho chị Nghiêm Thị Nh được ly hôn anh Hoàng Ngọc Ch (Hoàng Văn Ch).

- Về con chung: Không đặt ra giải quyết.

- Tài sản chung, công nợ, công sức, ruộng canh tác: Không đặt ra giải quyết.

Sau này anh Ch có yêu cầu về tài sản chung; công nợ; công sức có quyền khởi kiện bằng vụ kiện dân sự khác.

- Án phí: Chị Nh phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo Nghị quyết số: 326 ngày 30/12/2016 của Quốc hội qui định về mức thu, miễn giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

**NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, HĐXX nhận định:

[1] Về quan hệ hôn nhân: Chị Nh, anh Ch kết hôn với nhau trên cơ sở tự nguyện, có đủ điều kiện kết hôn theo quy định của pháp luật và có đăng ký kết hôn tại UBND TT Ân Th vào ngày 19/12/1996. Do đó quan hệ hôn nhân giữa chị Nh, anh Ch là hợp pháp. Nay chị Nh có đơn xin ly hôn sẽ được áp dụng Luật Hôn nhân và gia đình để giải quyết theo thủ tục chung. Anh Ch đang cư trú tại M X, TT Ân Th, Ân Thi nên việc giải quyết vụ án thuộc thẩm quyền của Tòa án nhân dân huyện Ân Thi, theo quy định tại điểm a, khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 BLTTDS.

[2] Xét mâu thuẫn vợ chồng: Chị Nh xác định vợ chồng kết hôn với nhau từ năm 1996, vợ chồng anh, chị có thời gian chung sống hòa thuận, hạnh phúc và sinh được 1 con chung. Do kinh tế khó khăn, năm 2012 chị Nh đi xuất khẩu lao động tại Đài Loan, thời gian đầu chị Nh thường xuyên liên lạc với gia đình và biết được anh Ch chơi bời, không chịu làm ăn. Chị có khuyên anh Ch nhưng vợ chồng không còn sự tin tưởng lẫn nhau, không có sự gắn kết, chia sẻ với nhau cả về tình cảm và kinh

tế. Sau đó anh Ch vào trong Nam làm ăn, vợ chồng không còn liên lạc với nhau nữa. Năm 2016, chị hết hạn hợp đồng về nước, mâu thuẫn vợ chồng không được giải quyết, vợ chồng không ở cùng nhau, mỗi người một nơi. Cuối tháng 9/2019, anh Ch có về nhà, vợ chồng chị có nói chuyện nhưng không tìm được tiếng nói chung. Nay chị xác định tình cảm vợ chồng không còn, cuộc sống chung không thể kéo dài nên chị đề nghị Tòa giải quyết cho chị được ly hôn anh Ch. Quá trình Tòa án thụ lý, giải quyết vụ án Tòa án tiến hành triệu tập họp lệ anh Ch đến trụ sở Tòa án để tiến hành phân tích hòa giải để anh chị về đoàn tụ. Tuy nhiên anh Ch biết nhưng anh đều vắng mặt không có lý do nên Tòa án không thể hoà giải đoàn tụ vợ chồng cho anh chị được. Như vậy thể hiện anh Ch không còn muốn xây dựng vợ chồng với chị Nh nữa, căn cứ Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 hôn nhân giữa chị Nh, anh Ch đã đến mức trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, anh Ch, chị Nh không còn thương yêu, quý trọng nhau nữa vì vậy HĐXX chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị Nh là phù hợp với pháp luật và thực tế vợ chồng.

[3] Về con chung: Anh Ch, chị Nh có 01 con chung là Hoàng Ngọc Sơn, SN 25/10/1997. Hiện nay cháu Sơn đã trưởng thành và đi làm nên anh Ch, chị Nh không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không đặt ra giải quyết.

[4] Về tài sản chung, công sức, công nợ: Chị Nh không đề nghị Tòa giải quyết nên HĐXX không xem xét tại vụ án này. Tuy nhiên sau này anh Ch có đề nghị Tòa sẽ xem xét ở 1 vụ án dân sự khác.

[5] Về án phí: Chị Nh phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào:

- Điều 51; Khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình;
- Khoản 1, 3 Điều 228; điều 238; khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự;
- Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1- Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị Nghiêm Thị Nh được ly hôn anh Hoàng Ngọc Ch (Hoàng Văn Ch)

2- Về con chung: Anh Ch, chị Nh có 01 con chung là Hoàng Ngọc Sơn, SN 25/10/1997. Con chung của anh, chị đã trưởng thành nên không đề nghị Tòa giải quyết.

3- Về tài sản chung, công sức, công nợ: Chị Nh không đề nghị Tòa giải quyết. Tuy nhiên sau này anh Ch có đề nghị về tài sản thì Tòa án sẽ xem xét ở một vụ án dân sự khác.

4 - Về án phí : Chị Nh phải chịu 300.000đ án phí sơ thẩm ly hôn được trừ vào số tiền tạm ứng án phí mà chị đã nộp theo biên lai thu số 0000415 ngày 02 tháng 10 năm 2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Ân Thi. Chị Nh đã nộp đủ.

5- Quyền kháng cáo: Chị Nh, anh Ch có quyền kháng cáo bản án này trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận hoặc niêm yết bản án.

**Nơi nhận:**

- Phòng GDKT và THA tỉnh
- VKSND huyện Ân Thi;
- Các đương sự;
- Chi cục THADS huyện;
- UBND TT Ân Th, Ân Thi;
- Lưu HSVA.

**T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Nguyễn Đồng Dục**

